

Số: /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2020

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất; các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và danh mục các dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện năm 2021 tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2016 - 2020) tỉnh Đồng Nai đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 09/8/2017; điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của cấp huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh xin trình Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục các dự án thu hồi đất; các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và danh mục các dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện năm 2021 tỉnh Đồng Nai như sau:

I. Sự cần thiết phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các dự án thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2021 tỉnh Đồng Nai

Tại Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 quy định việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng:

“3. Thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm:

a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương;

b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải;

c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng;

d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

đ) Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản”.

Đối với việc thực hiện các dự án có sử dụng diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, tại điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 quy định “*Đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có một trong các văn bản sau đây: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 hécta đất trồng lúa; dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng”.*

Để có cơ sở triển khai thực hiện kịp thời các dự án trong năm 2021, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp danh mục các dự án cần thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013; danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, làm cơ sở để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là cần thiết, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng văn bản

1. Mục đích

Làm cơ sở để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Quan điểm chỉ đạo

Các dự án cần thu hồi đất phải theo quy định tại khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 và danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013.

III. Quá trình xây dựng văn bản:

Ngày 05/10/2020, UBND tỉnh Đồng Nai có Tờ trình số 11856/TTr-UBND về việc xây dựng Nghị quyết về việc thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất; các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và danh mục các dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện năm 2021 tỉnh Đồng Nai.

Ngày 13/10/2020, Thường trực HĐND tỉnh có Văn bản số 575/HĐND-VP về việc thống nhất xây dựng Nghị quyết tại Tờ trình số 11856/TTr-UBND ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ chỉ đạo trên, UBND tỉnh Đồng Nai đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa hoàn chỉnh hồ sơ và dự thảo Tờ trình, Nghị quyết về việc thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất; các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và danh mục các dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện năm 2021 tỉnh Đồng Nai để trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua làm cơ sở phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện để triển khai thực hiện theo quy định.

IV. Đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc thông qua Danh mục dự án thu hồi đất; dự án sử dụng đất trồng lúa năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện quy định tại Khoản 2 Điều 42 Luật đất đai năm 2013, Khoản 4 Điều 9 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, qua tổng hợp, báo cáo của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa đánh giá tình hình thực hiện các dự án đã được thông qua tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019; Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10/07/2020. Sau khi tổng hợp báo cáo của các địa phương, kết quả triển khai các dự án, công trình thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến ngày 01/10/2020 và ước thực hiện đến 31/12/2020 như sau:

III.1. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

a. Kết quả thực hiện các dự án thu hồi đất:

Tổng số lượng dự án, công trình cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 là 129 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 519,71 ha.

Qua rà soát, tổng hợp số liệu từ Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, kết quả thực hiện như sau:

Tổng số dự án, công trình đã và đang triển thực hiện được là 112 dự án với diện tích thu hồi là 482,99 ha; tỷ lệ thực hiện đạt 92,93% về diện tích và đạt 86,82 % tổng số dự án, cụ thể:

a1. Các công trình, dự án thu hồi đất đã có quyết định thu hồi đất:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại Nghị quyết trên đã có quyết định thu hồi đất là 23 dự án với diện tích cần thu hồi đất là 23,57 ha, cụ thể như sau:

- Dự án theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 là 3 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 2,03 ha.

- Dự án theo điểm b, Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 12 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 7,36 ha.

- Dự án theo điểm c, Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 3 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1,56 ha.

- Dự án theo điểm d, Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 5 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 12,62 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 01 kèm theo)

a2. Các công trình, dự án đã có thông báo thu hồi đất:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại Nghị quyết trên đã có thông báo thu hồi đất là 32 dự án với diện tích thu hồi đất là 135,69 ha, cụ thể như sau:

- Dự án theo điểm a, Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 6 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 5,06 ha.

- Dự án theo điểm b, Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 11 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 50,04 ha.

- Dự án theo điểm c, Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 4 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 9,82 ha.

- Dự án theo điểm d, Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 11 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 70,77 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 02 kèm theo)

a3. Các công trình, dự án đang triển khai các bước để lập thủ tục thông báo thu hồi đất:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại Nghị quyết trên đang triển khai các bước để lập thủ tục thông báo thu hồi đất là 57 dự án với diện tích cần thu hồi đất là 323,74 ha, cụ thể như sau:

- Dự án thu hồi đất theo điểm a, Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 7 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 9,78 ha.

- Dự án thu hồi đất theo điểm b, Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 34 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 165,63 ha.

- Dự án theo điểm c, Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 1 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 9,90 ha.

- Dự án thu hồi đất theo điểm d, khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 15 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 138,43 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 03 kèm theo)

a4. Các công trình, dự án chưa triển khai thực hiện:

Tổng số dự án cần thu hồi đất thông qua tại Nghị quyết trên, đến nay chưa triển khai thực hiện là 17 dự án với diện tích là 36,72 ha, chiếm 7,07% về diện tích và 13,18% về số lượng dự án. Cụ thể như sau:

- Dự án thu hồi đất theo điểm a, Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 2 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 1,55 ha.

- Dự án thu hồi đất theo điểm b, Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 14 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 34,63 ha.

- Dự án thu hồi đất theo điểm c, Khoản 3, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 là 01 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 0,54 ha.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 04 kèm theo)

b. Kết quả thực hiện các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng:

Tổng số lượng dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 là 60 dự án. Trong đó sử dụng đất trồng lúa là 107,39 ha, sử dụng đất rừng phòng hộ là 1,03 ha. Kết quả thực hiện như sau:

b.1. Dự án có sử dụng đất trồng lúa:

Tổng số dự án đã được thông qua là 59 dự án, sử dụng từ đất trồng lúa là 107,39 ha. Trong đó, tổng số dự án đã và đang triển khai thực hiện là 55 dự án với diện tích đất trồng lúa là 102,81 ha đạt 95,74% về diện tích và đạt 93,22% về số dự án. Cụ thể:

- Dự án đã chuyển mục đích sử dụng đất: 2 dự án với diện tích 3,80 ha.

- Dự án đã có quyết định thu hồi đất: 9 dự án với diện tích là 13,70 ha.

- Dự án đã có thông báo thu hồi đất: 18 dự án với diện tích là 19,85 ha.

- Dự án đã có chủ trương đầu tư, đang triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý: 26 dự án với diện tích 65,45 ha.

- Dự án chưa thực hiện: 4 dự án với diện tích 4,58 ha.

b.2. Dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ

Tổng số dự án đã được thông qua là 01 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ là 1,03 ha. Dự án này đang triển khai thực hiện.

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục số 5A, 5B, 5C, 5D, 5E kèm theo)

c. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình cá nhân:

- Chuyển từ đất lúa sang đất ở là 8,44 ha (Biên Hòa 0,2 ha, Định Quán 0,75 ha, Long Thành 0,50 ha, Tân Phú 0,01 ha, Vĩnh Cửu 0,32 ha, Xuân Lộc 1,13 ha, Thống Nhất 1,50 ha, Nhơn Trạch 4,98 ha, Trảng Bom 0,18 ha).

- Chuyển từ đất lúa sang đất trồng cây lâu năm là 106,98 ha (Biên Hòa 2,33 ha, Cẩm Mỹ 3,24 ha, Định Quán 13,83 ha, Long Khánh 4,77 ha, Long Thành 35 ha, Tân Phú 0,56 ha, Thống Nhất 10 ha, Trảng Bom 7,88 ha, Vĩnh Cửu 29,37 ha).

- Chuyển đất lúa sang đất nuôi trồng thủy sản 1,65 ha (Định Quán 1,35 ha, Tân Phú 0,15 ha, Vĩnh Cửu 0,15 ha).

- Chuyển đất lúa sang đất nông nghiệp khác là 4,70 ha (Tân Phú 0,29 ha, Vĩnh Cửu 4,41 ha).

- Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở là 0,96 ha ở 02 huyện Thống Nhất (0,46 ha) và Tân Phú (0,50 ha).

d. Đánh giá chung

Như vậy, kết quả thực hiện danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 đạt khoảng 90% về diện tích và 86% về số lượng dự án đã phần nào đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Số lượng dự án, công trình đến nay chưa triển khai thực hiện chủ yếu là các công trình cải tạo, chỉnh trang nông thôn; các công trình hạ tầng như giao thông, thủy lợi. Một phần nguyên nhân là các địa phương cân đối lại nguồn vốn, tập trung một số xã điểm; chưa vận động xã hội hóa hết trong nhân dân.

III.2. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1. Kết quả thực hiện các dự án thu hồi đất:

Tổng số lượng dự án, công trình cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 là 40 dự án, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 515,96 ha. Qua rà soát, tổng hợp số liệu từ Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, kết quả có 1 dự án đã có quyết định thu hồi đất với diện tích thu hồi 0,15 ha, 38 dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư với diện tích thu hồi 394,91 ha và 1 dự án chưa thực hiện với diện tích thu hồi 120,90 ha.

(Chi tiết tiến độ thực hiện các dự án được thể hiện trong phụ lục đính kèm số 06A, 6B, 6C)

2. Kết quả thực hiện các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng:

Tổng số lượng dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị

quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 là 11 dự án, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 27,76 ha. Kết quả có 1 dự án đã có quyết định thu hồi đất với diện tích đất lúa là 0,65 ha và 10 dự án còn lại đang tiếp tục triển khai thực hiện.

(Chi tiết tiến độ thực hiện các dự án được thể hiện trong phụ lục đính kèm số 07A, 7B, 7C)

III.3. Đối với các đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 03 năm (2015, 2016, 2017, 2018)

1. Các dự án cần thu hồi đất

Tổng số các dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 9/12/2016, Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 07/07/2017, Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017, Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/07/2018 là 1.819 dự án với tổng diện tích đất thu hồi là 12.348,03 ha.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013, ngày 06/12/2019, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND, theo đó, đã hủy bỏ thu hồi đất đối với 491 dự án (quá 3 năm) trên địa bàn toàn tỉnh. Như vậy số lượng dự án cần thu hồi đất còn lại là 1.328 dự án với tổng diện tích thu hồi là 10.382,36 ha. Kết quả thực hiện đến nay như sau:

a. Các dự án đã hoàn thành việc thu hồi đất:

Tổng số dự án đã hoàn thành việc thu hồi đất là 849 dự án với diện tích đất thu hồi là 3.854,66 ha

b. Các dự án đang triển khai thực hiện: 281 dự án với diện tích đất thu hồi là 5.053,68 ha. Các dự án này hiện đã được các địa phương kiểm kê xong hiện trạng đang lập thủ tục trình cấp thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường để thực hiện thu hồi đất; một số dự án đang kiểm đếm để lập phương án bồi thường

c. Các dự án chưa triển khai thực hiện 198 dự án với diện tích thu hồi là 1.474,02 ha. Trong đó:

- Đã có quyết định hủy kế hoạch sử dụng đất 32 dự án với diện tích thu hồi đất 479,51 ha.

- Đề xuất hủy 71 dự án với diện tích thu hồi 361,72 ha. Nguyên nhân do các dự án này chưa bố trí được nguồn vốn; một số dự án do kết hợp sử dụng chung; một số dự án do điều chỉnh vị trí thực hiện và một số dự án đang lập lại chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư năm 2015.

(Chi tiết tiến độ thực hiện các dự án đính kèm phụ lục 8A, 8B, 8C)

2. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng

Tổng số các dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 9/12/2016, Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 07/07/2017, Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017, Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/07/2018 là 314 dự án. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013, ngày 06/12/2019, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND, theo đó, đã hủy bỏ đối với 88 dự án (quá 3 năm) trên địa bàn toàn tỉnh. Như vậy số lượng dự án còn lại là 226 dự án, gồm:

- 209 dự án sử dụng đất trồng lúa với diện tích sử dụng đất lúa 277,45 ha
- 11 dự án sử dụng đất rừng phòng hộ với diện tích đất rừng phòng hộ là 12,09 ha;
- 1 dự án có sử dụng đất rừng đặc dụng với diện tích đất rừng đặc dụng là 13,57 ha
- 4 dự án vừa sử dụng đất lúa vừa sử dụng đất rừng phòng hộ với diện tích đất lúa 10,13 ha, đất rừng phòng hộ 11,16 ha.
- 1 dự án vừa sử dụng đất lúa, vừa sử dụng đất rừng phòng hộ, vừa sử dụng đất rừng đặc dụng với diện tích đất lúa 0,89 ha, đất rừng phòng hộ 1,67 ha, đất rừng đặc dụng 0,49 ha.

Cụ thể kết quả thực hiện như sau:

a. Các dự án sử dụng đất trồng lúa:

- Tổng số dự án sử dụng đất trồng lúa là 209 dự án với diện tích sử dụng đất lúa 277,45 ha, trong đó:
 - + Các dự án đã thực hiện là 126 dự án, trong đó sử dụng đất trồng lúa 156,88 ha.
 - + Các dự án đang triển khai thực hiện là 51 dự án với diện tích đất trồng lúa là 76,93 ha. Các dự án này hiện đã được các địa phương kiểm kê xong hiện trạng đang lập thủ tục trình cấp thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường để thực hiện thu hồi đất; một số dự án đang kiểm đếm để lập phương án bồi thường.
 - Các dự án chưa triển khai thực hiện là 32 dự án với diện tích sử dụng đất trồng lúa là 43,64 ha. Trong đó:
 - + Đã có quyết định hủy kế hoạch sử dụng đất 10 dự án với diện tích đất trồng lúa là 8,72 ha.
 - + Đề nghị tiếp tục hủy 11 dự án với diện tích sử dụng đất trồng lúa là 14,63 ha. Nguyên nhân do các dự án này chưa bố trí được nguồn vốn; một số dự án do kết hợp sử dụng chung; một số dự án do điều chỉnh vị trí thực hiện và một số dự án đang lập lại chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư năm 2015.

b. Các dự án sử dụng đất rừng:

- Tổng số dự án sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng là 12 dự án, trong đó có 11 dự án sử dụng diện tích đất rừng phòng hộ là 12,09 ha và 01 dự án sử dụng diện tích đất rừng đặc dụng là 13,57 ha, gồm:

+ Dự án đã thực hiện là 05 dự án, trong đó sử dụng đất rừng phòng hộ là 9,67 ha.

+ Dự án đang triển khai thực hiện là 4 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ là 2,14 ha.

+ Các dự án chưa thực hiện là 3 dự án. Trong đó, đã hủy kế hoạch sử dụng đất là 1 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ là 0,09 ha.

c. Các dự án sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ: Có 4 dự án vừa sử dụng đất lúa vừa sử dụng đất rừng phòng hộ với diện tích đất lúa 10,13 ha, đất rừng phòng hộ 11,16 ha. Trong đó, đã thực hiện 03 dự án với diện tích đất lúa là 8,17 ha, diện tích đất rừng phòng hộ là 3,09 ha; dự án còn lại tiếp tục triển khai thực hiện.

d. Các dự án sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: có 1 dự án vừa sử dụng đất lúa vừa sử dụng đất rừng phòng hộ vừa sử dụng đất rừng đặc dụng với diện tích đất lúa 0,89 ha, đất rừng phòng hộ 1,67 ha, đất rừng đặc dụng 0,49 ha. Dự án này đang tiếp tục triển khai thực hiện.

(Chi tiết tiến độ thực hiện các dự án đính kèm phụ lục 09A, 9B, 9C, 9D)

*** Kiến nghị:**

- UBND tỉnh đề nghị hủy danh mục thu hồi đất đối với 103 dự án chưa triển khai thực hiện và 22 dự án sử dụng đất trồng lúa và đất rừng theo quy định Khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013. Sau khi được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư hoặc được cấp thẩm quyền bố trí vốn thực hiện (đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách), UBND tỉnh Đồng Nai sẽ chỉ đạo rà soát, tổng hợp và trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện theo đúng quy định (kèm theo phụ lục số 15a, 15b)

- Đối với 376 dự án với diện tích đất thu hồi là 5.686,47 ha và 70 dự án có sử dụng đất lúa, đất rừng. Các dự án này hiện đã được các địa phương kiểm kê xong hiện trạng đang lập thủ tục trình cấp thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường để thực hiện thu hồi đất; một số dự án đang kiểm đếm để lập phương án bồi thường hoặc đang triển khai lập lại thủ tục để cấp lại chủ trương đầu tư. Do vậy, kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua để tiếp tục thực hiện các thủ tục đưa dự án vào sử dụng theo quy định (kèm theo phụ lục số 16a, 16b)

III.4. Kết quả thực hiện các dự án được HĐND tỉnh cho phép chuyển tiếp thực hiện tại Nghị quyết 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2020

1. Kết quả thực hiện các dự án cần thu hồi đất

Tổng số lượng dự án cần thu hồi đất được Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện tại Nghị quyết 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 là

202 dự án với tổng diện tích thu hồi là 3.839,64 ha. Kết quả thực hiện các dự án như sau:

a. Các dự án đã hoàn thành việc thu hồi đất:

Tổng số dự án đã hoàn thành việc thu hồi đất là 29 dự án với diện tích đất thu hồi là 372,97 ha.

b. Các dự án đang triển khai thực hiện: 150 dự án với diện tích đất thu hồi là 3.119,87 ha. Các dự án này hiện đã được các địa phương kiểm kê xong hiện trạng đang lập thủ tục trình cấp thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường để thực hiện thu hồi đất; một số dự án đang kiểm đếm để lập phương án bồi thường

c. Các dự án chưa triển khai thực hiện 23 dự án với diện tích thu hồi là 346,80 ha. Trong đó:

- Đề nghị được tiếp tục chuyển tiếp là 10 dự án với diện tích thu hồi là 200,82 ha.

- Đề nghị hủy thu hồi đất đối với 13 dự án với diện tích thu hồi 145,98 ha chưa triển khai thực hiện theo quy định Khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013.

(Chi tiết tiến độ thực hiện các dự án đính kèm phụ lục 10)

2. Kết quả thực hiện các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

Tổng số lượng dự án sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng được Hội đồng nhân tỉnh tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện tại Nghị quyết 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 là 40 dự án với diện tích sử dụng đất lúa là 77,44 ha, diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ là 1,90 ha. Kết quả thực hiện các dự án như sau:

a. Các dự án sử dụng đất trồng lúa

- Tổng số dự án sử dụng đất trồng lúa là 37 dự án với diện tích sử dụng đất lúa 77,44 ha, trong đó:

+ Các dự án đã thực hiện là 08 dự án, trong đó sử dụng đất trồng lúa 10,49 ha.

+ Các dự án đang triển khai thực hiện là 23 dự án với diện tích đất trồng lúa là 55,02 ha. Các dự án này hiện đã được các địa phương kiểm kê xong hiện trạng đang lập thủ tục trình cấp thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường để thực hiện thu hồi đất; một số dự án đang kiểm đếm để lập phương án bồi thường.

- Các dự án chưa triển khai thực hiện là 6 dự án với diện tích sử dụng đất trồng lúa là 11,93 ha. Trong đó:

+ Đã có quyết định hủy kế hoạch sử dụng đất 1 dự án với diện tích đất trồng lúa là 0,04 ha.

+ Đề nghị tiếp tục hủy nghị quyết 3 dự án với diện tích sử dụng đất trồng lúa là 5,25 ha. Nguyên nhân do các dự án này chưa bố trí được nguồn vốn; một số dự án do kết hợp sử dụng chung; một số dự án do điều chỉnh vị trí thực hiện

và một số dự án đang lập lại chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư năm 2015.

b. Các dự án sử dụng đất rừng phòng hộ: có 3 dự án với diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ là 1,90 ha, trong đó:

+ Các dự án đang triển khai thực hiện là 2 dự án với diện tích đất rừng phòng hộ là 1,71 ha. Các dự án này hiện đã được các địa phương kiểm kê xong hiện trạng đang lập thủ tục trình cấp thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường để thực hiện thu hồi đất; một số dự án đang kiểm đếm để lập phương án bồi thường.

+ Có 1 dự án chưa triển khai thực hiện với diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ là 0,19 ha.

(Chi tiết tiến độ thực hiện các dự án đính kèm phụ lục 11A, 11B)

III.5. Kiến nghị:

- Đối với các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết nay đã quá 3 năm mà chưa hoàn thành việc thu hồi đất nhưng đang thực hiện các thủ tục về kiểm đếm, lập phương án bồi thường trình phê duyệt và thu hồi đất thì tiếp tục cho triển khai thực hiện.

- Đối với các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết nay đã quá 3 năm mà chưa hoàn thành việc thu hồi đất nhưng chưa triển khai thực hiện thì UBND tỉnh chỉ đạo hủy kế hoạch sử dụng đất đối với các dự án trên theo quy định tại Khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013 được sửa đổi tại Khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch.

IV. Danh mục các dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2021 tỉnh Đồng Nai.

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu triển khai thực hiện các dự án phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành và địa phương rà soát các dự án đủ điều kiện triển khai thực hiện trong năm 2021 tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua làm cơ sở triển khai thực hiện dự án. Qua rà soát, tổng hợp dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2021 tỉnh Đồng Nai cụ thể như sau:

1. Các dự án cần thu hồi đất năm 2021 theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai

Tổng số dự án cần thu hồi đất trong năm 2021 theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 là 154 dự án với diện tích cần thu hồi đất là 1.003,67 ha. Cụ thể:

a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự

ng nghiệp công cấp địa phương: 30 dự án/ 54,53 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 46,96 ha.

b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải: 95 dự án/1.242,63 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 626,49 ha.

c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 7 dự án/ 14,53 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 12,88 ha.

d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: 22 dự án/360,78 ha, trong đó diện tích cần thu hồi đất là 317,34 ha.

(Chi tiết các dự án cần thu hồi đất đính kèm phụ lục 12)

2. Các trường hợp có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2021.

a. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng:

Tổng số các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2021 là 74 dự án với tổng diện tích đất trồng lúa 88,08 ha, đất rừng phòng hộ 24,20 ha, đất rừng đặc dụng là 2,60 ha, cụ thể như sau:

- Dự án có sử dụng đất trồng lúa là 60 dự án, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 88,08 ha.

- Dự án sử dụng đất rừng phòng hộ là 04 dự án, trong đó sử dụng đất rừng phòng hộ là 24,20 ha.

- Dự án sử dụng đất rừng đặc dụng là 10 dự án, trong đó sử dụng đất rừng đặc dụng là 2,60 ha.

b. Các trường hợp hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2021.

- Chuyển đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm là 320,83 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản là 72 ha

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác là 108 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở là 49 ha

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở 36 ha

(Chi tiết các dự án và chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân của các địa phương được thể hiện trong Phụ lục số 13 kèm theo)

V. Danh mục các dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện năm 2021 tỉnh Đồng Nai

Tổng số dự án đề nghị điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện dự án có thu hồi đất là 03 dự án với diện tích đất điều chỉnh là 0,69 ha

(Chi tiết các dự án được thể hiện trong Phụ lục số 14 kèm theo)

VI. Tổ chức thực hiện

Sau khi danh mục các dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2021 tỉnh Đồng Nai được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện như sau:

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện, trong đó cập nhật đầy đủ danh mục dự án thu hồi đất; danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và danh mục các dự án điều chỉnh địa điểm thực hiện được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tăng cường chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa cùng các ngành, các cấp tập trung triển khai thực hiện hoàn thành việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất các dự án theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc giám sát thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua cũng như giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu VT, TH, CNN, KT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**